TAND TỈNH TUYÊN QUANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2025
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Tiến Quang;

2. Bà Triệu Thị Liên.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lò Là Cáo – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch, sinh năm: 1994; địa chỉ: Thôn 03, xã H, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch: Ông Ngô Trung Kiên, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Gia Long, địa chỉ: Thôn 12, xã V, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt.*

2. Bị đơn: Anh Vương Hoàng A, sinh năm: 1994; địa chỉ: Thôn 03, xã H, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2025, bản tự khai ngày 10/6/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch và anh Vương Hoàng A đã đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2019 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại tổ 03, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang (*Nay là thôn 03, xã H, tỉnh Tuyên Quang*). Đến tháng 11/2022, anh Vương Hoàng A đi học tại trường Đại học Y Dược Thái Nguyên trong 6 năm.

Trong quá trình đi học của anh Vương Hoàng A, chị Ch luôn chu cấp, gửi tiền hàng tháng cho anh Hoàng A còn anh Hoàng A không hề hỗ trợ chị Ch trong việc nuôi con (cả về vấn đề chăm sóc con và hỗ trợ tài chính). Đến ngày 28/12/2024 chị Ch phát hiện anh Hoàng A ngoại tình. Gia đình chị Ch và anh Hoàng A đã tự hoà giải nhưng anh Hoàng A không chịu thay đổi, không sửa sai nhiều lần còn dùng lời lẽ quá đáng xúc phạm và chửi bới chị Ch khiến chị vô cùng áp lực. Vì vậy chị Ch đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Ch được ly hôn với anh Hoàng A.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Vương Duy Kh, sinh ngày 30/09/2019 và cháu Vương Duy Kh1, sinh ngày 05/06/2024. Sau khi ly hôn chị Ch đề nghị Tòa án giải quyết giao hai con chung cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Ch yêu cầu anh Vương Hoàng A cấp dưỡng nuôi con chung cho cả hai cháu với số tiền là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*)/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị không tham gia các phiên tòa xét xử vụ án Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Hoàng A được nên chị Ch có gửi đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án, trong đó chị Ch xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể chị Ch đề nghị anh Vương Hoàng A cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 500.000đ/tháng đối với cháu Vương Duy Kh và 400.000đ/tháng đối với cháu Vương Duy Kh1 cho đến khi cháu Kh, cháu Kh1 đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ tháng 10/2025 trở đi anh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con và chị Ch là người nhận số tiền cấp dưỡng từ anh Hoàng A, còn các nội dung khác chị Ch giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Chị Ch cam kết sẽ chấp hành nghiêm chỉnh mọi quyết định của Tòa án.

** Tại bản tự khai ngày 10/6/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Vương Hoàng A trình bày:* Anh Hoàng A và chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2019 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang, quá trình chung sống vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn xảy ra. Hiện tại anh Hoàng A đang theo học tại trường Đại học Y dược Thái Nguyên, thời gian học liên tục dài hạn (6 năm). Tình cảm vợ chồng đến nay đã bị ảnh hưởng, lạnh nhạt, hạnh phúc vợ chồng không còn nữa nên anh Hoàng A nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị Ch.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung: Cháu Vương Duy Kh, sinh ngày 30/09/2019 và cháu Vương Duy Kh1, sinh ngày 05/06/2024. Khi ly hôn anh Hoàng A đề nghị giao cháu Kh cho anh Hoàng A trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi; giao cháu Kh1 cho chị Ch trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh1 đủ 18 tuổi. Anh Hoàng A không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do đang bận học tập dài hạn liên tục tại Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên nên anh Hoàng A có gửi đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án, trong đơn anh Hoàng A có sự thay đổi nội dung so với bản tự khai và các biên bản hòa giải, cụ thể về phần con chung: Anh Hoàng A đề nghị giao hai cháu Vương Duy Kh, sinh ngày 30/09/2019 và cháu Vương Duy Kh1, sinh ngày 05/06/2024 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch trực tiếp chăm sóc; về mức cấp dưỡng anh Hoàng A sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Kh với mức 500.000đ/tháng và cấp dưỡng nuôi cháu Kh1 với mức 400.000đ/tháng cho đến khi cháu Kh, cháu Kh1 đủ 18 tuổi. Những nội dung khác về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung, công nợ chung anh Hoàng A giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Đề nghị Toà án tuyên xử: Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch và anh Vương Hoàng A. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là cháu Vương Duy Kh, sinh ngày 30/9/2019 và cháu Vương Duy Kh1 sinh ngày 05/6/2024 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Vương Hoàng A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Vương Duy Kh, sinh ngày 30/9/2019, số tiền 500.000/tháng, đối với cháu Vương Duy Kh1, sinh ngày 05/6/2024, số tiền 400.000/tháng. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2025, anh Hoàng A có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch có đơn khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" với bị đơn anh Vương Hoàng A, anh Hoàng A có hộ khẩu thường trú tại thôn 03, xã H, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 4 Nghị Quyết

số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do đang bận đi công tác đột xuất không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa được, nên chị Ch có đơn xin được giải quyết vắng mặt.

[3] Bị đơn anh Vương Hoàng A có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do hiện nay đang phải đi học tại trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên, điều kiện học tập thường xuyên liên tục không xin nghỉ được để về tham gia phiên toà theo thời gian mà Tòa án đã ấn định, nên anh Hoàng A xin phép được vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án. Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tuyên Quang đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho các đương sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch và bị đơn anh Vương Hoàng A là có căn cứ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch và anh Vương Hoàng A được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, đến tháng 11/2022 anh Hoàng A đi học tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên, quá trình đi học từ đó đến nay chị Ch và anh Hoàng A đều thừa nhận vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, hạnh phúc không còn. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại nhà bố đẻ anh Vương Hoàng A thấy rằng từ cuối năm 2024 vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều vấn đề mâu thuẫn, hiện tại chị Ch và anh Hoàng A đã sống ly thân nhau, chị Ch chuyển ra ngoài ở cùng các con còn anh Hoàng A đang theo học tại tỉnh Thái Nguyên. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Ch đề nghị giải quyết ly hôn anh Hoàng A cũng nhất trí. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận sự thỏa thuận về quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch và anh Vương Hoàng A, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Ch, anh Hoàng A có hai con chung là cháu Vương Duy Kh, sinh ngày 30/09/2019 và cháu Vương Duy Kh1, sinh ngày 05/06/2024. Qua xác minh tại một số nơi gồm địa chỉ chị Ch, anh Hoàng A đăng ký hộ khẩu thường trú, cơ quan chị Ch đang công tác, địa chỉ cư trú hiện tại của chị Ch và giáo viên chủ nhiệm của cháu Vương Duy Kh thì hiện nay cháu Kh và cháu Kh1 đang do chị Ch trực tiếp chăm sóc các cháu, cháu Kh1 còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi hiện ở nhà còn cháu Kh chủ yếu được chị Ch đưa đón đi học, thi thoảng ông nội cháu Kh đưa đón nhưng không thường xuyên, anh Hoàng A từ khi đi học xa nhà không thấy đưa đón cháu Kh đi học lần nào. Sức khỏe của chị Ch hiện tại bình thường, không mắc bệnh mãn tính hay bệnh hiểm

nghèo khác. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Ch có điều kiện, khả năng để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu, và việc các cháu tiếp tục sinh sống cùng chị Ch như hiện nay bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các cháu, do đó có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Ch về con chung. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu Vương Duy Kh và cháu Vương Duy Kh1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng A được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án, chị Ch đề nghị anh Hoàng A phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 3.000.000đ/tháng/cháu, tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Ch xin thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng là 500.000đ/tháng đối với cháu Vương Duy Kh và 400.000đ/tháng đối với cháu Vương Duy Kh1. Về phía anh Hoàng A, ban đầu tại bản tự khai và các biên bản hòa giải anh Hoàng A không đồng ý với yêu cầu của chị Ch về nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Hoàng A đã thay đổi yêu cầu, cụ thể anh Hoàng A đồng ý giao cả hai cháu Kh và cháu Kh1 cho chị Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Hoàng A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các cháu với số tiền cấp dưỡng lần lượt là 500.000đ/tháng đối với cháu Kh và 400.000đ/tháng đối với cháu Kh1. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Hoàng A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng như đã nêu là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi của các cháu, tương xứng với mức cấp dưỡng mà nguyên đơn chị Ch yêu cầu, phù hợp với các quy định tại Điều 82, 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với khả năng, điều kiện thực tế của anh Hoàng A nên cần được chấp nhận. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng bắt đầu từ tháng 10/2025 cho đến khi cháu Kh, cháu Kh1 đủ 18 tuổi. Chị Ch trực tiếp nuôi con chung là người nhận tiền cấp dưỡng. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Các bên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[8] Ý kiến, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch và anh Vương Hoàng A thuộc trường hợp trước khi mở phiên tòa, các bên đương sự tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung và mức cấp dưỡng mà Tòa án xét xử và ra bản án sơ thẩm do đó mỗi bên phải chịu một nửa của 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn, anh Vương Hoàng A phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm

a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch, bị đơn anh Vương Hoàng A có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 4 Nghị Quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm a khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; các điều 51, 55, 56, 57, 81, 82, 83, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch và anh Vương Hoàng A.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu Vương Duy Kh, sinh ngày 30/09/2019 và cháu Vương Duy Kh1, sinh ngày 05/06/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, vì quyền lợi của con chung sau này một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vương Hoàng A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Vương Duy Kh với mức 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*)/tháng và cấp dưỡng cho cháu Vương Duy Kh1 với mức 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*)/tháng. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ tháng 10/2025 cho đến khi cháu Kh, cháu Kh1 đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch trực tiếp nuôi con chung là người nhận khoản tiền cấp dưỡng nói trên.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị Ch đã nộp theo biên lai số 0004398 ngày 29/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Giang (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Tuyên Quang*), trả lại cho chị Ch 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chênh lệch.

Bị đơn anh Vương Hoàng A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* và án phí cấp dưỡng 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Tổng số tiền án phí anh Hoàng A phải chịu là 375.000đ (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh Ch, bị đơn anh Vương Hoàng A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 6 – Tuyên Quang;
- UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh